

Số: 570/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 23 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 09 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và 03 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ Trưởng Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 16/TTr-SCT ngày 16/6/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố theo Quyết định này Danh mục gồm 09 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai trên cơ sở Quyết định số 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương (Phụ lục I).

Điều 2. Bãi bỏ 03 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai (Phụ lục II).

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC.



CHỦ TỊCH

Võ Ngọc Thành



PHỤ LỤC I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 570/QĐ-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (Theo Quyết định 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương).					
1	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 2.000633.000.00.00.H21	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.100.000đ	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 2.000629.000.00.00.H21	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.100.000đ	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
3	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh 1.001279.000.00.00.H21	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố	1.100.000đ	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ;

					tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Nghị định số 24/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 299/2016/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
4	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu 2.000620.000.00.00.H21	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố	- Tại khu vực Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu 2.000615.000.00.00.H21	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố	- Tại khu vực Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
6	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu 2.001240.000.00.00.H21	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện,	- Tại khu vực Thành phố, thị xã: 1.200.000	- Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia. - Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ;



		hợp lệ	thị xã, thành phố	đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;	- Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
7	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá 2.000181.000.00.00.H21	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố	- Tại khu vực Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định;	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
8	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá 2.000162.000.00.00.H21	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố	- Tại khu vực Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thẩm định; - Tại Khu vực các huyện: 600.000	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26

				đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định;	tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
9	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá 2.000615.000.00.00.H21	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND các huyện, thị xã, thành phố	- Tại khu vực Thành phố, thị xã: 1.200.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định; - Tại Khu vực các huyện: 600.000 đồng/điểm kinh doanh/lần thăm định;	- Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá. - Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ; - Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2017; - Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020; - Thông tư số 57/2018/TT-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Công Thương; - Thông tư số 28/2019/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2019; - Thông tư số 168/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính





PHỤ LỤC II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÀI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước (Theo Quyết định 688a/QĐ-BCT ngày 28/02/2020 của Bộ Công Thương).	
1	Cấp Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
2	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh
3	Cấp lại Giấy phép bán rượu tiêu dùng tại chỗ trên địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh